

CÁC VẤN ĐỀ VÀ TRIỂN VỌNG HÌNH THÀNH "MÔ HÌNH" KINH TẾ ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN TRÍ DŨNG

(Chuyên viên Kinh tế Trung tâm LHQ

về phát triển Kinh tế vùng, DPCR).

KINH NGHIỆM CỦA ASEAN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BẰNG CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHIỆP HƯỚNG VỀ XUẤT KHẨU.

GIỚI THIỆU

Kể từ khi thành lập vào tháng 8/1967, Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã phát triển thành một trong những vùng phát triển nhanh nhất của thế giới. Các nước hội viên của tổ chức này (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand, Singapore) có tốc độ phát triển kinh tế cao khoảng từ 6% đến 8%. Trong khối ASEAN, Singapore là một thành phố quốc gia (city state) đặc biệt, với diện tích 1000 Km² và 2,5 triệu dân nhưng với sức phát triển kinh tế cao nên được kể vào nhóm Tứ Tiểu Long của Á Châu (Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hong Kong và Singapore) hay còn được gọi chính thức là các quốc gia NIC.

Bốn nước còn lại của ASEAN với tổng số dân trên 250 triệu và tổng diện tích hơn 3 triệu Km² giàu có tài nguyên thiên nhiên, là những nước sản xuất hàng đầu của thế giới về 7 mặt bằng nông lâm nghiệp chính gồm cao su, thiếc, dầu dừa, bột sắn (tapioca), sản phẩm từ dừa, gỗ cứng nhiệt đới và tiêu. Dù các nước này tùy thuộc rất nhiều vào việc xuất khẩu các mặt hàng kể trên, để thúc đẩy phát triển kinh tế, các nước trong khối ASEAN ngày càng dựa vào chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu trên cơ sở lấy lao động làm gốc (labour intensive), tùy ở thời điểm và mức độ khác nhau. Hiện nay ngành công nghiệp của các nước ASEAN là thành phần năng động nhất trong tổng sản phẩm quốc gia (GDP), cho nên các nước này còn được gọi là "Các Quốc Gia Xuất Khẩu Mới" (NEC). Đây là con đường phát triển của các quốc gia NIC trong

thập niên 1970 trước đó.

Đánh giá về kinh nghiệm phát triển của các nước NIC có hai quan điểm rõ rệt:

- Sự thành công kinh tế của NIC bản thân đã là một chứng minh của chính sách phát triển kinh tế đúng đắn, là "con đường phát triển tự nhiên và tuần tự" có thể áp dụng đối với tất cả các nước đang phát triển để đạt được những thay đổi về điều kiện thuận lợi tương đối trong mậu dịch quốc tế (comparative advantage), cũng như thay đổi về cấu tạo sản xuất và hình thái xuất khẩu.

- Quan điểm thứ hai có tính bổ sung cho quan điểm trên, nhấn mạnh hơn về đặc điểm những hoàn cảnh thuận lợi quốc tế của thập niên 1970 mà các nước NIC đã nhận được: dễ dàng tiếp cận với thị trường rộng của các nước phát triển, với hệ thống tiền tệ thế giới, và được các công ty siêu quốc gia chọn làm địa điểm đầu tư trong hoàn cảnh chính trị đặc biệt của thế giới và không gặp phải các chính sách bảo hộ ngày càng chặt chẽ trong thập niên 1980. Những thuận lợi này không nhất thiết lặp lại trong những năm 1990.

Loạt bài viết này nhằm phân tích và đánh giá lại kinh nghiệm phát triển của các nước NIC, đặc biệt quan tâm về các mặt mạnh và yếu của chính sách công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu, tự do suy nghĩ về con đường phát triển của các nước đang phát triển trong những năm 1990

BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CÁC QUỐC GIA NIC.

Thông qua chính sách công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, các nước NIC đã bắt đầu thay đổi cơ cấu kinh tế ở Á Châu kể từ đầu thập niên 1960. Với tổng số dân khoảng 60 triệu (3% dân số

TẬP ĐOÀN MALAYSIA ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

Tập đoàn Malaysia hoạt động ở nhiều nước trên thế giới với đủ ngành nghề như: sản xuất phi cơ, xây dựng, khoan dầu, kinh doanh các mặt hàng, kỹ nghệ điện ảnh, phát thanh, truyền hình, dịch vụ quảng cáo...

Họ đã đến Việt Nam, do ông Dato Lakshmanan Krishnan đại diện, và vào ngày 22-01-91 đã làm việc với ông Phạm Công Cảnh, Tổng giám đốc Liên hiệp Điện ảnh - Băng từ để ký một hợp đồng cộng tác.

Qua sự thoả thuận của đôi bên, tập đoàn Malaysia đã nhận lãnh thiết lập một xưởng in tráng, chuyển âm, thu tiếng, và

các công đoạn khác cho phim Việt Nam với máy móc hiện đại.

Ngoài ra, tập đoàn còn cung cấp phim sống và máy móc dành cho phim trường. Từ đây các đoàn quay phim quốc tế vào Việt Nam làm việc, có thể khỏi mang theo máy móc, mà chỉ cần thuê của Tập đoàn.

Tập đoàn sẵn sàng đầu tư hợp tác với các xưởng phim trong nước để sản xuất phim truyện, họ lãnh phần tìm thị trường tiêu thụ ở các nước ngoài.

Tập đoàn cũng đã đề nghị cho họ bỏ vốn đầu tư chính trang độ 100 trong 40 rạp của Thành phố, và họ lãnh phần

điều hành các rạp này.

Di xa hơn nữa, tập đoàn đề nghị với ngành truyền thanh truyền hình cho họ thiết lập một hệ thống truyền hình khắp nước, phát một tuyến chung. Họ sẽ lấy vốn lại bằng cách xin khai thác quảng cáo, chủ yếu là giới thiệu những sản phẩm mới của quốc tế.

Ngành điện ảnh Việt Nam đang gặp khó khăn về vốn đầu tư, về kịch bản..., qua cơ hội này, nhờ có tập đoàn nước ngoài tiếp sức, có thể là một cơ hội đáng lưu ý.

NGUYỄN QUÂN

của tất cả các nước đang phát triển), các nước NIC đã chiếm 83% tổng hàng hoá xuất khẩu của các quốc gia đang phát triển trong năm 1976.

Tình hình này đã mở rộng khoảng cách giữa các nước đang phát triển Á Châu về mặt lợi tức quốc dân, trình độ sản xuất công nghiệp, khoa học kỹ thuật, những hiểu biết cận đại về bộ môn kinh tế thứ ba gồm dịch vụ, tiền tệ, xuất khẩu cũng như về mặt tiếp cận với thị trường quốc tế. Cơ cấu kinh tế của Á Châu được sắp xếp tổ chức lại trong một trật tự kinh tế mới thành nhiều vòng đai với trình độ khác nhau.

Xét về bối cảnh lịch sử, sự bành trướng nền thương mại mậu dịch thế giới sau Thế chiến thứ II đánh dấu mở thời kỳ kinh tế tăng trưởng cao độ và với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nền kinh tế thế giới được kết hợp hữu cơ ngày càng chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau.

Với tình hình tiền lương lao động tăng cao tại các nước công nghiệp phát triển và sự cạnh tranh giữa các quốc gia này, các công ty siêu quốc gia phải tiến hành chiến lược có tính "quan điểm toàn cầu" liên quan đến sản xuất và thị trường quốc tế. Đặc biệt sự phát triển kinh tế lớn mạnh của Nhật Bản trở thành đối thủ cạnh tranh số một của các công ty siêu quốc gia trong thị trường kinh tế thế giới. Từ giữa thập niên 1960, các quyết định đầu tư của các công ty siêu quốc gia này tại các quốc gia NIC trong Á Châu đã thúc đẩy sự thay đổi phân bố lao động quốc tế. Đây là đặc điểm quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế thế giới trong 2 thập niên qua.

Khi đề cập đến nguyên nhân thành công của chính sách công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu của các nước NIC trong thập niên 1960 và 1970, có thể kể đến những yếu tố khách quan bên ngoài như sau:

- * Điều kiện tiếp cận thuận lợi các thị trường rộng lớn tại Mỹ và OECD, (Tổ chức Hợp tác và phát triển Kinh tế - châu Âu)

- * Sự tiếp cận tương đối dễ dàng hệ thống tài chính thế giới, đặc biệt dưới hình thức ngân sách viện trợ của Mỹ và các khoản tiền vay thương mại từ nước ngoài với lãi suất rất thấp coi như không đáng kể.

- * Đúng về mặt kinh tế và địa lý chính trị, các quốc gia NIC có những đặc điểm chung như sau: thị trường quốc nội nhỏ bé, nghèo về tài nguyên thiên nhiên, có cảnh giác cao về những đe dọa chính trị. Đây là những yếu tố thúc đẩy các nước này sớm chọn lấy con đường đi nhanh vào chiến lược công nghiệp hóa như là điều kiện sống còn.

- * Hệ thống giá cả và tỉ suất hối đoái trên thị trường thế giới tương đối rất ổn định đã tạo điều kiện để các nước NIC có thể bắt đầu chính sách công nghiệp thay thế nhập khẩu (import substitution) và qua đó có thời gian chuẩn bị cần thiết để thu thập những kinh nghiệm công nghiệp cơ bản trước khi tiến vào chính sách công nghiệp hướng về xuất khẩu.

Trong thập niên 70, Nam Triều Tiên và Đài Loan đã phát triển kinh tế thông qua chính sách "vay mượn" tiền vốn tư nhân của các ngân hàng siêu quốc gia, để nhập trang thiết bị kỹ thuật cần thiết cho chính sách sản xuất xuất khẩu. Đến cuối thập niên 70, Nam Triều Tiên trở thành quốc gia mắc nợ đứng hàng thứ ba (1977: 10 tỉ đô-la Mỹ) trong các nước đang phát triển sau Brazil, Mexico. Trong khi đó, số nợ chính thức của Đài Loan là 3,8 tỉ đô-la, nhưng con số thực tế có thể đến gấp đôi.

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THẬP NIÊN 80

Sau những biến động về giá dầu hỏa trong những năm 1970 trước đó, trên thế giới nói chung tỉ suất tăng trưởng sụt giảm rõ rệt. Trong các nước OECD và Mỹ, nạn thất nghiệp, lạm phát và cán cân thu chi quốc tế ngày càng tệ hơn. Tỉ suất tăng trưởng của mậu

dịch thế giới cũng theo đó giảm sút. Tỉ suất thất nghiệp còn cao hơn cả trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1930.

Tình hình này đương nhiên ảnh hưởng đến chính sách công nghiệp hướng về xuất khẩu của các nước NIC và ASEAN. Đặc biệt là khuynh hướng bảo hộ mậu dịch mới (Neo Trade Protectionism) ngày càng phát triển tại các nước công nghiệp Mỹ và Âu Châu. Khuynh hướng này dẫn đến tình hình hạn chế nhập khẩu hàng công nghiệp từ Nhật, NIC và ASEAN. Ngoài ra, sự cạnh tranh xuất khẩu giữa các nước này dẫn đến tình hình giá cả hàng công nghiệp sụt giảm rõ rệt. Trong bối cảnh này thì thị trường tiền tệ tín dụng thế giới cũng căng thẳng không còn điều kiện thuận tiện như những năm 1960, 1970, đặc biệt với tình hình thiếu nợ tăng cao của Mỹ và nhiều nước trong thế giới thứ ba.

Một đặc điểm có tính quyết định về khuynh hướng phát triển của thời đại là sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật cao độ trong quá trình công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp tin học, tự động hoá qua mạch vi điện tử. Cơ cấu kinh tế thế giới, đặc biệt cơ cấu phân bố lao động và địa điểm đầu tư, đang được sắp xếp lại vì điều kiện thuận lợi trên cơ sở lao động rẻ của các nước đang phát triển sẽ bị công nghiệp vi điện tử và kỹ thuật tự động hóa (microelectronics-based automation technologies) thay thế từng bước. Phí tổn vận chuyển mậu dịch thế giới tăng cao do sự tăng giá dầu hỏa sẽ thúc đẩy quá trình sắp xếp lại này nhanh hơn.

ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP TRONG TƯƠNG LAI

Qua tình hình trên ta có thể hiểu lý do tại sao các nước ASEAN tuy có nhiều nỗ lực phát triển công nghiệp nhưng so với các nước NIC đi trước thì các mặt hàng xuất khẩu nông lâm nghiệp vẫn còn chiếm một tỉ lệ rất cao (1982 - Thái 74%, Phi 77%, Mã Lai 77%, Indonesia 96% ; 1983 - Singapore 52% ; Korea 3%, Hồng Kông 5%). Phần lớn các ngành công nghiệp xuất khẩu của các nước này đều mang nặng tính lắp ráp, gia công lại trên các nguyên liệu nhập đắt tiền, cho nên tỉ suất nhập khẩu cũng tăng theo tỉ suất xuất khẩu. Các nước này chủ yếu xuất phát từ ngành công nghiệp chính: Dệt, May mặc, Tiểu thủ công nghiệp (NIC trong thập niên 1960, ASEAN trong thập niên 1970). Và sau đó lần lượt chuyển qua các ngành sản xuất phụ tùng cơ giới, điện, điện tử v.v với trang thiết bị kỹ thuật cao hơn (technology intensive) và giảm bớt phụ thuộc vào lao động đơn thuần.

Kết quả là các nước ASEAN phải cạnh tranh rất mạnh với nhau bằng tất cả mọi chính sách tài chính, thuế khóa, cũng như mọi biện pháp thúc đẩy khuyến khích đầu tư của nước ngoài. Tổng số đầu tư của nước ngoài tăng cao trong những năm vừa qua tại ASEAN, từ 300 triệu đô-la (1967) đến 6 tỉ đô-la (1975) cao hơn đầu tư tại NIC. Toàn thể 8 nước ASEAN và NIC nhận đầu tư nước ngoài tăng từ 747 triệu đô-la (1967) đến 9.97 tỉ đô-la (1975). Tuy nhiên như đã phân tích, đầu tư gia công xuất khẩu mang theo sự gia tăng nhập khẩu. Cho nên sự thành công của các nước này thường phụ thuộc rất nhiều vào tỉ giá hối đoái, thị trường tiền tệ và nguyên vật liệu trên thế giới, đặc biệt giá dầu hỏa.

Một vấn đề nan giải khác cho các nước ASEAN và NIC là họ đều chia chung một thị trường xuất khẩu (Mỹ, Nhật và OECD) và bị chi phối bởi một vài công ty thương nghiệp có vốn lớn. Các công ty này chi phối hơn 50% tổng số trị giá xuất khẩu của ASEAN trong năm 1979.

Trong khi đó, các nước này đều phải thường xuyên giải quyết những vấn đề kinh tế quốc nội phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp như sau:

- Nạn thất nghiệp do lao động giãn ra do nông nghiệp được cơ giới hóa cao.

- Dân số tập trung về đô thị tạo tình hình căng thẳng tại các

đô thị có sức phát triển kinh tế cao.

Tóm lại bản thân chiến lược phát triển công nghiệp hướng về xuất khẩu chưa đủ để đảm bảo cho sự thành công của sự nghiệp phát triển kinh tế. Sự nghiệp này thường được chi phối bởi nhiều điều kiện khách quan và chủ quan khác nhau. Điều kiện khách quan trọng nhất là sự thuận lợi trên thị trường hàng hóa, tiền tệ và tài chính thế giới. Điều kiện chủ quan có tính quyết định là cơ chế chính trị, kinh tế, hành chính có tính năng động và hiệu suất cao có thể đưa ra được những chính sách, biện pháp linh động; và có khả năng thi hành thành công các chính sách đặc ra nhằm đáp ứng kịp thời với sự thay đổi không ngừng của các điều kiện khách quan bên ngoài. Đặc biệt trong thời đại thông tin điện tử hiện nay, không thể thực hiện thành công bất kỳ một chính sách phát triển kinh tế, xã hội nào nếu không xây dựng một hệ thống tổ chức thu thập và xử lý thông tin theo kịp với những biến động liên tục của tổ chức xã hội ngày càng phức tạp.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA CÁC NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI Á CHÂU (NIC)

Trong quá trình phát triển kinh tế, mỗi nước NIC đều có những xuất phát và chiến lược khác nhau. Korea và Taiwan là hai nước bị tàn phá nhiều trong chiến tranh, trong khi đó Hồng Kông và Singapore là hai thành phố quốc gia, làm "bến cảng trung chuyển" cho hai thị trường lớn, Trung Quốc và ASEAN.

Nói về chế độ chính trị, mỗi nước đều có một cơ chế chính trị khác nhau, tuy nhiên hệ thống hành chính của các nước NIC được đánh giá là có hiệu quả cao trong việc thi hành những chính sách cải cách phát triển kinh tế.

Trong hoạt động phát triển kinh tế, có quan điểm đánh giá chính phủ Hồng Kông là chính phủ áp dụng triệt để chính sách bất can thiệp (positive non-interventionism). Nhưng trên thực tế họ can thiệp gián tiếp qua biện pháp quản lý nhà đất, chính sách khuyến khích mậu dịch và chính sách đào tạo huấn luyện cán bộ kinh tế có khả năng và trình độ quản lý kinh tế cao chứ không nhất thiết can thiệp trực tiếp trên lương bổng, giá cả và lưu lượng tiền tệ. Trong khi đó chính phủ Korea can thiệp thường xuyên hơn nhằm đạt được những chỉ tiêu kinh tế mang tính định lượng, đặc biệt sử dụng chính sách thuế khoá và các quỹ trợ cấp nhằm thúc đẩy hoạt động công nghiệp xuất khẩu. Còn chính phủ Taiwan, ngoài việc nắm giữ một số công nghiệp chủ lực, triệt để bảo hộ và phát triển trung, tiểu xí nghiệp hướng về xuất khẩu với mọi đòn bẩy thuế khoá, tài chính, tín dụng... Chính phủ Singapore cũng có những chính sách gần giống như Taiwan, nhưng đầu tư triệt để hơn vào những ngành công nghiệp ưu tiên, được định nghĩa là những ngành công nghiệp có đặc điểm mậu dịch so sánh thuận lợi hơn trong thị trường quốc tế (comparative advantage), đồng thời cũng tác động mạnh vào thị trường lao động và đất đai.

Nói chung các nước NIC trừ Hồng Kông, trong những năm 1960, đã triệt để thi hành chiến lược công nghiệp hướng về xuất khẩu (export oriented, sau khi trải qua kinh nghiệm chiến lược thay thế nhập khẩu (import substitution). Hồng Kông thì ngay từ đầu đã xuất phát bằng chiến lược xuất khẩu. Nhưng bước vào những năm 1970, 1980, do tình hình cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới, các nước NIC có khuynh hướng sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng đòi hỏi nhiều kỹ thuật và tư bản hơn (technology and capital intensive) và nỗ lực phát triển các ngành có giá trị thặng dư cao (high value added industries). So với các nước NIC thì Korea có khuynh hướng đi về công nghiệp nặng nhiều hơn.

SUY NGHĨ VỀ KHUYNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.

Hiện nay các nước công nghiệp mới đều đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế thấp hơn thành tích đạt được trong những năm 1970

và 1980, điều này phản ánh nhân thức chung của các nước này về tình hình khó khăn của kinh tế thế giới về tài chính tiền tệ và khuynh hướng bảo hộ mậu dịch. Một quan tâm chính là tình hình suy thoái kinh tế tại Mỹ với số nợ khổng lồ gần 100 tỉ đô-la và khả năng khủng hoảng kinh tế thế giới. Trong khi đó các nước công nghiệp mới phải đương đầu với sự cạnh tranh mãnh liệt từ các nước ASEAN và đặc biệt Trung Quốc về giá cả, lao động, kỹ thuật. Cho nên vấn đề cấp bách phải cải tổ cơ cấu kinh tế tại tất cả những nước này là không thể tránh được. Để đối phó với khả năng khủng hoảng kinh tế thế giới như những năm 1930 do sự suy thoái của kinh tế Mỹ, sự kết hợp lực lượng kinh tế của khối cộng đồng Châu Âu, khả năng khủng hoảng năng lượng thế giới.v.v..., các nước đang phát triển công nghiệp tại Á Châu đang nỗ lực xác định chiến lược kinh tế mới phù hợp với tình hình hiện nay. Nói chung các nước này cũng đang có những thay đổi cơ cấu chính trị đa dạng, linh động hơn. Tổng thống Korea viếng thăm Liên Xô, Tổng thống Indonesia viếng thăm Trung Quốc, Việt Nam, chính sách ngoại giao của Thái "biển Đông Dương thành thị trường", sự thay đổi quan hệ giữa Trung Quốc, Taiwan, Korea, Malaysia và các nước khác trong vùng.v.v., tất cả là những động hướng cho thấy khuynh hướng phát triển nhu cầu kết hợp các lực lượng kinh tế ở vùng Đông và Đông Nam Á. Quá trình này còn gặp nhiều trở ngại về chính trị, kinh tế, văn hoá đang còn tồn tại của các nước trong vùng. Tuy nhiên, đây là một nhu cầu cấp bách, một khuynh hướng phát triển có tính chiến lược cho quyền lợi chung của các nước trong khu vực. Vấn đề còn lại là sự ổn định chính trị trong từng quốc gia đủ để quá trình cải cách chính trị kinh tế phù hợp với chiến lược kết hợp kinh tế khu vực phát triển. ●

NTD.

Kỳ sau: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA CÁC NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI TẠI CHÂU Á (NIC).

